

TUYỂN TẬP 05 ĐỀ THI HỌC KÌ 2 MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 5
ĐỀ 1

I. PHẦN KIỂM TRA ĐỌC (10 điểm)

1. Đọc thành tiếng (3đ) :

- Giáo viên kiểm tra đọc thành tiếng đối với từng học sinh.
- Nội dung kiểm tra : Các bài đã học từ tuần 29 đến tuần 34, giáo viên ghi tên bài, số trang vào phiếu, gọi học sinh lên bốc thăm và đọc thành tiếng. Mỗi học sinh đọc một đoạn văn, thơ khoảng 120 tiếng/phút (trong bài bốc thăm được) sau đó trả lời một câu hỏi về nội dung đoạn đọc do giáo viên nêu.

2. Đọc thầm bài văn sau và làm theo yêu cầu (7 điểm)

Công việc đầu tiên

Một hôm, anh Ba Chân gọi tôi vào trong buồng đúng cái nơi anh giao việc cho ba tôi ngày trước. Anh lấy từ mái nhà xuống bó giấy lớn, rồi hỏi tôi:

- Út có dám rải truyền đơn không?

Tôi vừa mừng vừa lo, nói:

- Được, nhưng rải thế nào anh phải chỉ vẽ, em mới làm được chứ!

Anh Ba cười, rồi dặn dò tôi tỉ mỉ. Cuối cùng, anh nhắc:

- Rủi địch nó bắt em tận tay thì em một mực nói rằng có một anh bảo đây là giấy quảng cáo thuốc. Em không biết chữ nên không biết giấy gì.

Nhận công việc vinh dự đầu tiên này, tôi thấy trong người cứ bồn chồn, thấp thỏm. Đêm đó, tôi ngủ không yên, lục đục dậy từ nửa đêm, ngồi nghĩ cách giấu truyền đơn. Khoảng ba giờ sáng, tôi giả đi bán cá như mọi hôm. Tay tôi bê rổ cá, còn bó truyền đơn thì giắt trên lưng quần. Tôi rảo bước và truyền đơn cứ từ từ rơi xuống đất. Gần tới chợ thì vừa hết, trời cũng vừa sáng tỏ.

Độ tám giờ, nhân dân xì xào âm lên: "Cộng sản rải giấy nhiều quá!"

Mấy tên lính mã tà hốt hải xách súng chạy rầm rầm.

Về đến nhà, tôi khoe ngay kết quả với anh Ba. Anh tôi khen:

- Út khá lắm, cứ làm như vậy rồi quen, em ạ!

Lần sau, anh tôi lại giao rải truyền đơn tại chợ Mỹ Lồng. Tôi cũng hoàn thành.

Làm được một vài việc, tôi bắt đầu ham hoạt động. Tôi tâm sự với anh Ba:

- Em chỉ muốn làm thật nhiều việc cho Cách mạng. Anh cho em thoát li hẳn nghe anh!

Theo Hồi ký của bà Nguyễn Thị Định

Đọc thầm bài: “Rừng gỗ quý” rồi khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho từng câu hỏi hoặc làm theo yêu cầu dưới đây:

Câu 1: Viết vào chỗ chấm: Tên công việc đầu tiên anh Ba giao cho chị Út là gì?
(0,5 điểm)

.....
Câu 2: Anh Ba chuẩn hỏi Út có dám rải truyền đơn không? (0,5 điểm)

- A. Dám
- B. Không
- C. Mừng
- D. Tất cả các ý trên.

Câu 3: Những chi tiết nào cho thấy chị Út rất hồi hộp khi nhận công việc đầu tiên? (0,5 điểm)

- A. Chị bồn chồn, thấp thỏm, ngủ không yên, nửa đêm dậy ngồi nghĩ cách giấu truyền đơn.
- B. Chị dậy từ nửa đêm, ngồi nghĩ cách giấu đưa đơn.
- C. Đêm đó chị ngủ yên.
- D. Tất cả các ý trên.

Câu 4: Chị Út đã nghĩ ra cách gì để rải hết truyền đơn? (1 điểm)

- A. Đêm đó, tôi ngủ không yên, lục đục dậy từ nửa đêm, ngồi nghĩ cách giấu truyền đơn.
- B. Giả đi bán cá như mọi hôm. Tay bê rổ cá và bó truyền đơn thì giắt trên lưng quần, khi rảo bước truyền đơn cứ từ từ rơi xuống đất.
- C. Cả hai ý trên đều đúng.
- D. Cả hai ý trên đều sai.

Câu 5: Vì sao chị Út muốn thoát li ? (0,5 điểm)

- A. Vì chị Út yêu nước, yêu nhân dân.
- B. Vì chị Út ham hoạt động, muốn làm được thật nhiều việc cho cách mạng.
- C. Cả hai ý trên đều đúng.
- D. Cả hai ý trên đều sai.

Câu 6: Dòng nào dưới đây nêu đúng nội dung bài văn? (1 điểm)

- A. Bài văn là đoạn hồi tưởng của bà Nguyễn Thị Định yêu nước, yêu nhân dân.
- B. Bài văn là đoạn hồi tưởng của bà Nguyễn Thị Định cho thấy nguyện vọng, lòng nhiệt thành của một người phụ nữ dũng cảm muốn làm việc lớn đóng góp sức mình cho Cách mạng.
- C. Cả hai ý trên đều đúng.
- D. Cả hai ý trên đều sai.

Câu 7: Câu "Út có dám rải truyền đơn không?" (0,5 điểm)

- A. Câu hỏi. B. Câu cầu khiến.
- C. Câu cảm. D. Câu kể.

| | | | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |

Câu 3: Tham gia phong trào “Em yêu đường sắt quê em”, học sinh trường Út Vịnh phải cam kết những gì? (1đ)

| Thông tin | Đúng ghi (Đ), sai ghi (S) |
|---|---------------------------|
| Không chơi trên đường tàu. | |
| Vệ sinh cho tàu khi tàu dừng lại. | |
| Không ném đá lên tàu và đường tàu, cùng nhau bảo vệ cho những chuyến tàu qua. | |
| Thường xuyên dọn dẹp vệ sinh quanh khu vực đường ray. | |

Câu 4: Út Vịnh đã hành động như thế nào để cứu hai em nhỏ đang chơi trên đường tàu? (0,5 điểm)

- A. Vịnh lao ra khỏi nhà như tên bắn, khóc và la lớn.
- B. Vịnh lao ra khỏi nhà, la lớn báo cho hai bé biết, bé Hoa giật mình ngã lăn khỏi đường tàu, bé Lan được Vịnh nhào tới ôm lăn xuống mép ruộng.
- C. Vịnh cùng lên đường ray ngồi chơi với hai bạn nhỏ.
- D. Vịnh chạy ra khỏi nhà, báo cho bố mẹ hai bạn nhỏ tìm cách chặn tàu lại.

Câu 5: Em học tập được ở Út Vịnh điều gì? (1 điểm)

.....

.....

.....

.....

Câu 6: Trong câu “Đoàn tàu vừa réo còi vừa âm ầm lao tới”. Từ “réo còi” thuộc từ loại nào ? (0,5 điểm)

- A. Danh từ
- B. Động từ
- C. Tính từ
- D. Đại từ

Câu 7: Em hãy nối từ ở cột A với ý nghĩa thích hợp ở cột B (0,5 điểm)

| CỘT A | CỘT B |
|-----------------|---|
| Ý thức công dân | Điều mà pháp luật hoặc xã hội công nhận cho người dân được hưởng, được làm, được đòi hỏi. |
| Quyền công dân | Sự hiểu biết về nghĩa vụ và quyền lợi của người dân đối với đất nước. |

Câu 8: Dấu phẩy trong câu “ Học sinh cam kết không chơi trên đường tàu, không ném đá lên tàu và đường tàu, cùng nhau bảo vệ an toàn cho những chuyến tàu qua”. có tác dụng gì?(1 điểm)

- A. Ngăn cách các vế trong câu ghép.
- B. Ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ.
- C. Ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu.
- D. Ngăn cách các vế trong câu đơn.

Câu 9: Xác định chủ ngữ và vị ngữ trong câu ghép sau (gạch 1 gạch dưới chủ ngữ, 2 gạch dưới vị ngữ) (1 điểm)

Nghe tiếng la, bé Hoa giật mình, ngã lăn khỏi đường tàu, còn bé Lan đứng ngây người, khóc thét.

Câu 10: Đặt một câu ghép có sử dụng cặp quan hệ từ chỉ “ Nguyên nhân....kết quả” và phân tích câu ghép đó.(1 điểm)

II. Kiểm tra viết:

1. Chính tả (nghe viết) (2điểm)

Tà áo dài Việt Nam

Áo dài phụ nữ có hai loại: áo tứ thân và áo năm thân. Phổ biến hơn là áo tứ thân, được may từ bốn mảnh vải, hai mảnh sau ghép liền ở giữa sống lưng. Đằng trước là hai vạt áo, không có khuy, khi mặc bỏ buông hoặc buộc thắt vào nhau. Áo năm thân cũng may như áo tứ thân, chỉ có điều vạt trước phía trái may ghép từ hai thân vải, thành ra rộng gấp đôi vạt phải.

Từ những năm 30 của thế kỉ XX, chiếc áo dài cổ truyền được cải tiến dần thành chiếc áo dài tân thời.

(Theo Trần Ngọc Thêm)

2. Tập làm văn (8 điểm)

Đề bài: Tả một người mà em yêu quý. (ông, bà, cha, mẹ, thầy giáo, cô giáo, bạn cùng lớp,)

ĐỀ 3

A/ KIỂM TRA ĐỌC: (10đ)

I- Kiểm tra đọc thành tiếng: (3 điểm)

Học sinh đọc đoạn văn thuộc chủ đề đã học và trả lời 01 câu hỏi về nội dung bài. Nội dung bài đọc và câu hỏi do GV lựa chọn trong các bài Tập đọc từ tuần 19 đến tuần 34, SGK Tiếng Việt 5, tập II. GV thực hiện đánh giá theo yêu cầu kiến thức, kỹ năng của chương trình.

II- Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng Việt: (7 điểm)

Đọc bài sau và trả lời câu hỏi :

Công việc đầu tiên

Một hôm, anh Ba Chấn gọi tôi vào trong buồng đúng cái nơi anh giao việc cho ba tôi ngày trước. Anh lấy từ mái nhà xuống bó giấy lớn, rồi hỏi tôi:

- Út có dám rải truyền đơn không?

Tôi vừa mừng vừa lo, nói:

- Được, nhưng rải thế nào anh phải chỉ vẽ, em mới làm được chứ!

Anh Ba cười, rồi dặn dò tôi tỉ mỉ. Cuối cùng, anh nhắc:

- Rủi địch nó bắt em tận tay thì em một mực nói rằng có một anh bảo đây là giấy quảng cáo thuốc. Em không biết chữ nên không biết giấy gì.

Nhận công việc vinh dự đầu tiên này, tôi thấy trong người cứ bồn chồn, thấp thỏm. Đêm đó, tôi ngủ không yên, lục đục dậy từ nửa đêm, ngồi nghĩ cách giấu truyền đơn. Khoảng ba giờ sáng, tôi giả đi bán cá như mọi hôm. Tay tôi bê rổ cá, còn bó truyền đơn thì giắt trên lưng quần. Tôi rảo bước và truyền đơn cứ từ từ rơi xuống đất. Gần tới chợ thì vừa hết, trời cũng vừa sáng tỏ.

Độ tám giờ, nhân dân xì xào ầm lên: "Cộng sản rải giấy nhiều quá!"

Mấy tên lính mã tà hốt hải xách súng chạy rầm rầm.

Về đến nhà, tôi khoe ngay kết quả với anh Ba. Anh tôi khen:

- Út khá lắm, cứ làm như vậy rồi quen, em ạ!

Lần sau, anh tôi lại giao rải truyền đơn tại chợ Mỹ Lồng. Tôi cũng hoàn thành. Làm được một vài việc, tôi bắt đầu ham hoạt động. Tôi tâm sự với anh Ba:

- Em chỉ muốn làm thật nhiều việc cho Cách mạng. Anh cho em thoát li hẳn nghe anh!

Theo Hồi ký của bà Nguyễn Thị Định

KHOANH VÀO CHỮ CÁI TRƯỚC CÂU TRẢ LỜI ĐÚNG NHẤT:

Câu 1: Công việc đầu tiên anh Ba giao cho chị Út là gì? (0,5 đ)

- A. Đưa thư cho cán bộ
- B. Gài mìn ở đồn giặc
- C. Rải truyền đơn

Câu 2: Khi anh Ba hỏi Út có dám rải truyền đơn không thì cô Út trả lời thế nào? (0,5đ)

- A. Được

- B. Để em xem đã nhé
- C. Em sợ nên không thể làm được.

Câu 3: Những chi tiết nào cho thấy chị Út rất hồi hộp khi nhận công việc đầu tiên? (0,5đ)

- A. Vui vẻ chuẩn bị mọi thứ cần thiết
- B. Im lặng vào ngủ một giấc để sáng mai đi.
- C. **Bồn chồn, thấp thỏm, ngủ không yên.**

Câu 4: Chị Út đã nghĩ ra cách gì để rải hết truyền đơn? (0,5đ)

- A. Giả đi bán vé số rồi giắt truyền đơn trên lưng quần, khi rảo bước truyền đơn cứ từ từ rơi xuống đất..
- B. Giả đi bán cá như mọi hôm. Tay bê rổ cá và bó truyền đơn thì giắt trên lưng quần, khi rảo bước truyền đơn cứ từ từ rơi xuống đất.
- C. Giả đi bán rau và buổi sáng, cầm truyền đơn thả từ từ từng tờ một

Câu 5: Câu “Tay tôi bê rổ cá, còn bó truyền đơn thì dấp trên lưng quần” thuộc kiểu câu gì? (1đ)

- A. Câu đơn.
- B. Câu ghép.
- C. Câu ghép đẳng lập.

Câu 6: Em hãy nêu chủ ngữ trong câu sau: (1đ)
Về đến nhà, tôi khoe ngay kết quả với anh Ba.

.....
Câu 7: Cô Út là người như thế nào? (1đ)

- A. Là một người bình thường.
- B. Là một người hiền lành, chịu khó.
- C. Là một người thông minh, dũng cảm và yêu nước.

Câu 8: Em hãy nêu vị ngữ trong câu sau: “Khoảng ba giờ sáng, tôi giả đi bán cá như mọi hôm”.(1đ)

- A. Khoảng ba giờ sáng
- B. Giả đi bán cá như mọi hôm
- C. Tôi giả đi bán cá

Câu 9: Nêu quan hệ từ trong câu sau.(0,5đ)

Tôi rảo bước và tuyên đơn cứ từ từ rơi xuống đất.

.....
Câu 10: Em hãy thêm một cặp quan hệ từ vào trong câu ghép dưới đây sao cho đúng.(0,5đ)

..... cô Út không thông minh việc rải truyền đơn sẽ bị lộ.

B. Kiểm tra viết :

1. Chính tả (2 điểm) Nghe viết đoạn văn sau:

Nghĩa thầy trò

Từ sáng sớm, các môn sinh đã tề tựu trước sân nhà cụ giáo Chu để mừng thọ thầy. Cụ giáo đội khăn ngay ngắn, mặc áo dài thâm ngồi trên sập. Mấy học trò cũ từ xa về dâng biếu thầy những cuốn sách quý. Cụ giáo hỏi thăm công việc của từng người, bảo ban các học trò nhỏ, rồi nói:

- Thầy cảm ơn các anh. Bây giờ, nhân có đông đủ môn sinh, thầy muốn mời tất cả các anh theo thầy tới thăm một người mà thầy mang ơn rất nặng.

2. Tập làm văn (8đ): Trong các đồ vật của em, đồ vật nào có kỉ niệm đáng nhớ nhất? hãy tả lại đồ vật đó.

ĐỀ 4

PHẦN 1: KIỂM TRA ĐỌC (10 điểm)

1. Đọc thành tiếng (3 điểm) (35 phút)

Học sinh bốc thăm để đọc một trong các bài Tập đọc đã học từ tuần 29 đến tuần 33 (Sách Tiếng Việt 5, tập 2). Sau đó, trả lời câu hỏi có liên quan đến nội dung bài đọc do giáo viên yêu cầu.

2: Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức Tiếng Việt (35 phút): (7 điểm)

Đọc bài văn sau và chọn câu trả lời phù hợp nhất hoặc trả lời câu hỏi :

Môi trường bị ô nhiễm

Môi trường bị ô nhiễm sẽ gây ra rất nhiều phiền phức. Những cột khói đen cuộn cuộn bay lên trời, khiến không khí trở nên bẩn và khó thở. Những ống cống ngày đêm thải nước đen ngòm vào sông suối khiến cá và các sinh vật sống dưới nước chết nổi. Việc sử dụng quá nhiều hóa chất trong trồng trọt khiến đất chua và cứng, cây cối khó sinh sống. Sự quá tải các loại phương tiện giao thông, máy móc công nghiệp...gây ô nhiễm tiếng ồn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe con người...

Có nhiều nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nhưng nguyên nhân chủ yếu vẫn là do con người.

Bảo vệ môi trường là nhiệm vụ cấp thiết của tất cả mọi người. Các bạn nhỏ cần bảo vệ môi trường bằng cách bỏ rác vào đúng nơi quy định, hạn chế sử dụng đồ dùng một lần, hạn chế sử dụng túi ni lông, không tùy tiện giết những con vật có ích, tiết kiệm nước, bảo vệ cây cối...Chỉ cần tất cả mọi người cùng nỗ lực, có ý thức tốt thì môi trường của chúng ta sẽ được cải thiện.

(Theo Mười vạn câu hỏi vì sao)

Câu 1: Viết tiếp vào chỗ chấm để được một câu nêu đúng nội dung bài đọc.

.....là nguyên nhân chính gây nên hiện tượng ô nhiễm môi trường.

Câu 2 : Dựa vào bài đọc, xác định thông tin nêu dưới đây đúng hay sai.

Khoanh vào “Đúng” hoặc “Sai”

| Thông tin | Trả lời |
|--|----------|
| Những cột khói đen cuộn cuộn bay lên trời làm không khí bị ô nhiễm nặng. | Đúng/Sai |
| Tùy tiện giết những con vật có ích, tiết kiệm nước, bảo vệ cây cối là bảo vệ môi trường. | Đúng/Sai |
| Bảo vệ môi trường là nhiệm vụ cấp thiết của tất cả mọi người. | Đúng/Sai |
| Tiếng ồn của các phương tiện giao thông, của máy móc... không làm ảnh hưởng đến sức khỏe của trẻ em. | Đúng/Sai |

Câu 3: Hiện nay, nhiều người có thói quen sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần (đĩa, cốc, hộp...đựng đồ ăn, thức uống) rồi bỏ đi. Vì sao hạn chế hành động này cũng là một cách bảo vệ môi trường?

.....
.....
.....
Câu 4: Em hãy thêm vào một vế câu để được một câu ghép thích hợp :

a) Vì sử dụng quá nhiều hóa chất trong trồng trọt

.....
b) Chẳng những người lớn đang nỗ lực và có ý thức tốt bảo vệ môi trường.....
.....

Câu 5: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Dấu phẩy trong câu : “Các bạn nhỏ cần bảo vệ môi trường bằng cách bỏ rác vào đúng nơi quy định, hạn chế sử dụng đồ dùng một lần, hạn chế sử dụng túi ni lông, không tùy tiện giết những con vật có ích, tiết kiệm nước, bảo vệ cây cối .” có tác dụng:

- A. Ngăn cách các bộ phận cùng làm chủ ngữ trong câu
- B. Ngăn cách các bộ phận cùng làm vị ngữ trong câu
- C. Ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ trong câu
- D. Ngăn cách các vế trong câu ghép

Câu 6: Đặt một câu có sử dụng dấu ngoặc kép:

.....
.....
.....
Câu 7: Viết lại câu sau cho hay hơn bằng các biện pháp so sánh, nhân hóa ...

“ Hôm nay, trời trong xanh.”

.....
.....
PHẦN II: KIỂM TRA VIẾT : (10 điểm)

1. Chính tả nghe – viết: (2 điểm) (15 phút)

Giáo viên đọc cho học sinh viết bài: Tà áo dài Việt Nam. (từ Áo dài phụ nữ có hai loại..... chiếc áo dài tân thời). (SGK Tiếng việt 5, tập 2, trang 122).

2. Tập làm văn : Thời gian 35 phút (8 điểm)

Đề bài : Em sắp rời xa mái trường tiểu học thân yêu, xa các thầy cô đã dìu dắt, yêu thương, dạy dỗ em trong suốt năm năm học vừa qua. Em hãy tả lại một thầy (cô) giáo mà em yêu quý.

ĐỀ 5

A. PHẦN KIỂM TRA ĐỌC : 10 điểm

I. Đọc thành tiếng: 3 điểm

- Giáo viên cho học sinh đọc một đoạn văn trong các bài tập đọc – HTL đã học trong SGK Tiếng Việt 5 - Tập 2 (từ tuần 29 đến tuần 34) kết hợp trả lời câu hỏi về nội dung bài đọc do giáo viên lựa chọn.

II. Đọc thầm và làm bài tập: 7 điểm

Cổ tích về ngọn nến

Một tối mất điện, ngọn nến được đem ra đặt giữa phòng. Người ta châm lửa cho ngọn nến và nến lung linh cháy sáng. Nến hân hoan nhận ra rằng ngọn lửa nhỏ nhoi của nó đã mang lại ánh sáng cho cả căn phòng.

Mọi người đều trầm trồ: “Ồ ngọn nến sáng quá, thật may, nếu không chúng ta sẽ chẳng nhìn thấy gì mất”. Nghe thấy vậy, nến vui sướng dùng hết sức mình đẩy lùi bóng tối xung quanh.

Thế nhưng, những dòng sáp nóng đã bắt đầu chảy ra, lăn dài theo thân nến. Nến thấy mình càng lúc càng ngắn lại. Đến khi chỉ còn một nửa, nến giật mình: “Chết mất, ta mà cứ cháy mãi thế này thì chẳng bao lâu sẽ tàn mất thôi. Tại sao ta phải thiệt thòi như vậy?”.

Nghĩ rồi, nến nương theo một cơn gió thoảng để tắt phụt đi. Một sợi khói mỏng manh bay lên rồi nến im lìm.

Mọi người trong phòng nhón nháo bảo nhau: “Nến tắt mất rồi, tối quá, làm sao bây giờ?”. Ngọn nến mỉm cười tự mãn và hãnh diện vì tầm quan trọng của mình. Nhưng bỗng một người đề nghị: “Nến dễ bị gió thổi tắt lắm, để tôi đi tìm cái đèn dầu”. Đèn dầu được thắp lên, còn ngọn nến đang cháy dở thì bị bỏ vào ngăn kéo tủ.

Ngọn nến buồn thiu. Thế là từ nay nó sẽ bị nằm trong ngăn kéo, khó có dịp cháy sáng nữa. Nến chợt hiểu rằng hạnh phúc của nó là được cháy sáng vì mọi người, dù chỉ có thể cháy với ánh lửa nhỏ và dù sau đó nó sẽ tan chảy đi. Bởi vì nó là ngọn nến.

Theo Nguyễn Quang Nhân

Đọc thầm bài văn trên, khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi dưới đây - Viết ý kiến của em vào chỗ trống.

1. Khi mang lại ánh sáng cho căn phòng và được mọi người khen ngợi thì ngọn nến cảm thấy thế nào ?

a. Tự mãn và hãnh diện

- b. Hân hoan, vui sướng.
 c. Tự hào vì làm được việc có ích.
 d. Hãnh diện vì đẩy lùi bóng tối.
2. Tại sao ngọn nến lại nương theo gió và tắt phụt đi ?
 a. Vì nó đã cháy hết mình.
 b. Vì nó cảm thấy mình không còn cần thiết nữa.
 c. Vì mọi người không cần ánh sáng nữa.
 d. Vì nó cảm thấy thiệt thòi.
3. Thân phận của nến ra sao khi đèn dầu được thắp lên ?
 a. Bị bỏ vào ngăn kéo tủ, khó có dịp được cháy sáng.
 b. Nến im lìm chìm vào bóng tối.
 c. Nến bị gió thổi tắt phụt đi.
 d. Nến càng lúc càng ngấn lại.
4. Nến buồn thiu và chợt nhận ra điều gì ?
 a. Thấy mình chỉ còn một nửa.
 b. Chẳng bao lâu nữa sẽ tàn mất thôi.
 c. Hạnh phúc của nó là được cháy sáng vì mọi người.
 d. Ánh sáng của nó không còn quan trọng nữa.
5. Câu chuyện muốn nói với em điều gì ?
 a. Được làm việc có ích là điều hạnh phúc nhất của mỗi người.
 b. Được cháy hết mình là niềm vinh dự cho bản thân.
 c. Sống phải nghĩ điều thiệt hơn.
 d. Sống phải có trách nhiệm và tận tụy với công việc.
6. Từ nào sau đây trái nghĩa với từ **buồn thiu** ?
 a. buồn lòng b. hào hứng c. hân hoan d. vui sướng
7. Các từ in đậm trong câu sau thuộc từ loại nào ?
 Ở nến **sáng** quá, thật **may**, nếu không chúng ta sẽ chẳng nhìn thấy gì.
 j a. Danh từ b. Động từ c. Tính từ d. Đại từ
8. Dấu hai chấm trong câu sau có tác dụng gì?
Mọi người đều trầm trồ: “Ồ ngọn nến sáng quá, thật may, nếu không chúng ta sẽ chẳng nhìn thấy gì mất.”
 a. Liệt kê sự việc b. Dẫn lời nói của nhân vật
 c. Lời giải thích cho bộ phận đứng trước d. Ngăn cách các vế câu
9. Tìm và viết lại bộ phận chủ ngữ và vị ngữ trong câu văn sau:
 “ Thế nhưng, những dòng sáp nóng đã bắt đầu chảy ra, lăn dài theo thân nến.”
 - Chủ ngữ là:.....

ĐÁP ÁN ĐỀ 1

I. PHẦN KIỂM TRA ĐỌC (10 điểm)

1. Đọc thành tiếng. (3 điểm). GV cho HS đọc bài theo phiếu bài đọc.

Đánh giá, cho điểm : Giáo viên đánh giá, cho điểm dựa vào những yêu cầu sau.

a. Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng ; tốc độ đọc đạt yêu cầu (120 tiếng /1 phút) : 0,5 điểm
(Đọc từ trên 1 phút – 2 phút : 0,25 điểm; đọc quá 2 phút : 0 điểm)

b. Đọc đúng tiếng, đúng từ, trôi chảy, lưu loát : 1 điểm
(Đọc sai từ 2 đến 4 tiếng : 0,5 điểm; đọc sai 5 tiếng trở lên : 0 điểm)

c. Ngắt nghỉ hơi ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa : 0,5 điểm
(Ngắt nghỉ hơi không đúng từ 2 – 3 chỗ : 0,25 điểm; ngắt nghỉ hơi không đúng từ 4 chỗ trở lên : 0 điểm)

d. Trả lời đúng câu hỏi tìm hiểu về nội dung đoạn đọc : 1 điểm
(Trả lời chưa đầy đủ hoặc diễn đạt chưa rõ ràng : 0,5 điểm ; trả lời sai hoặc không trả lời được : 0 điểm)

2. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng việt: (7 điểm)

Học sinh dựa vào nội dung bài đọc, chọn câu trả lời đúng và hoàn thành các bài tập đạt số điểm như sau:

| | | | | | | | |
|--------|----------|----------|--------|----------|--------|----------|----------|
| Câu | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Ý đúng | A | A | C | B | B | A | B |
| Điểm | 0,5 điểm | 0,5 điểm | 1 điểm | 0,5 điểm | 1 điểm | 0,5 điểm | 0,5 điểm |

Câu 1: Rải truyền đơn (0,5 điểm)

Câu 9: anh hùng, bắt khuấy, trung hậu, đảm đang (1 điểm)

Câu 10: Điền các từ trong ngoặc đơn thích hợp với mỗi chỗ trống: (1 điểm)

Trẻ em là tương lai của đất nước. Trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai.

II. KIỂM TRA VIẾT (10 điểm)

1. Chính tả (2 điểm)

Tốc độ đạt yêu cầu ; chữ viết rõ ràng, viết đúng kiểu chữ, cỡ chữ ; trình bày đúng quy định, viết sạch, đẹp : (1 điểm)

Viết đúng chính tả (không mắc quá 5 lỗi) : (1 điểm)

2. Tập làm văn: (8 điểm)

Mở bài : 1 điểm. Viết đúng mở bài, giới thiệu người định tả (bằng cách trực tiếp hoặc gián tiếp)

Thân bài :

+ Nội dung (1,5 điểm) + Kỹ năng (1,5 điểm) + Cảm xúc (1 điểm)

Kết bài : 1 điểm

Chữ viết, chính tả : 0,5 điểm. Dùng từ, đặt câu : 0,5 điểm. Sáng tạo : 1 điểm

ĐÁP ÁN ĐỀ 2

I. Đọc hiểu và làm bài tập:

| | | | | | | | | | | |
|---------------|----------|----------|----------|----------|--------|----------|----------|--------|--------|--------|
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| Ý đúng | B | C | | B | | B | | C | | |
| Điểm | 0,5 điểm | 0,5 điểm | 0,5 điểm | 0,5 điểm | 1 điểm | 0,5 điểm | 0,5 điểm | 1 điểm | 1 điểm | 1 điểm |

Câu 3: Đúng mỗi ý được 0,25 điểm

| Thông tin | Đúng ghi (Đ), sai ghi (S) |
|---|---------------------------|
| Không chơi trên đường tàu. | Đ |
| Vệ sinh cho tàu khi tàu dừng lại. | S |
| Không ném đá lên tàu và đường tàu, cùng nhau bảo vệ cho những chuyến tàu qua. | Đ |
| Thường xuyên dọn dẹp vệ sinh quanh khu vực đường ray. | S |

Câu 5: (1 điểm) Ý thức trách nhiệm, tôn trọng quy định về an toàn giao thông, sự dũng cảm. (tùy khả năng diễn đạt của HS mà GV cho điểm hợp lí)

Câu 7: (0,5 điểm) Đúng mỗi ý được 0,25 điểm

| CỘT A | CỘT B |
|-----------------|---|
| Ý thức công dân | Điều mà pháp luật hoặc xã hội công nhận cho người dân được hưởng, được làm, được đòi hỏi. |
| Quyền công dân | Sự hiểu biết về nghĩa vụ và quyền lợi của người dân đối với đất nước. |

Câu 9: (1 điểm) Phân tích đúng mỗi vế câu được 0,5 điểm

Nghe tiếng la, bé Hoa giật mình, ngã lăn khỏi đường tàu, còn bé Lan đứng ngây người, khóc thét.

Câu 10: (1 điểm) GV xem xét câu của HS đặt đề cho điểm hợp lí.

Viết đúng mẫu câu 0,5 điểm. Phân tích đúng 0,5 điểm.

VD: Vì em cố gắng học bài nên em đạt kết quả cao trong kì thi.
 C V C V

ĐÁP ÁN ĐỀ 3

A. Kiểm tra đọc(10 điểm)

I. Kiểm tra đọc thành tiếng: (3 điểm)

II. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức Tiếng Việt: (7điểm)

1. Phần trắc nghiệm:

| Câu | 1 (M1) | 2 (M1) | 3 (M1) | 4 (M1) | 5 (M2) | 7 (M2) | 8 (M3) |
|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Đáp án | D | A | C | B | B | C | B |
| Điểm | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 1 | 1 | 1 |

2. Phần tự luận:

Câu 6: Em hãy nêu chủ ngữ trong câu sau: (1đ) (M2)

Về đến nhà, tôi khoe ngay kết quả với anh Ba.

Đáp án: tôi

Câu 9: Nêu quan hệ từ trong câu sau.(0,5đ) (M3)

Tôi rảo bước và tuyên đơn cứ từ từ rơi xuống đất.

Đáp án: và

Câu 10: Em hãy thêm một cặp quan hệ từ vào trong câu ghép dưới đây sao cho đúng.(0,5đ)

..... cô Út không thông minh việc rải truyền đơn sẽ bị lộ. (M4)

Đáp án: nếu – thì; giá như - thì; giá - thì

B. Kiểm tra viết :

1. Chính tả: (2đ)

-Chữ viết rõ ràng, viết đúng kiểu chữ, cỡ chữ; trình bày đúng quy định, viết sạch, đẹp: 0,5đ

-Viết đúng chính tả: 1,5đ (mỗi lỗi - 0,25đ)

2. Tập làm văn: (8đ)

B. KIỂM TRA VIẾT (10 điểm)

I. Chính tả: (2 điểm)

- Viết tốc độ đạt yêu cầu, chữ viết rõ ràng, viết đúng kiểu chữ, cỡ chữ, trình bày đúng quy định, viết sạch đẹp: **1 điểm**

- Viết đúng chính tả (không mắc quá 5 lỗi): **1 điểm**

II. Tập làm văn: (8 điểm)

- Mở bài: (1 điểm)

- Thân bài: (4 điểm) (Trong đó: Nội dung (1,5đ); Kỹ năng (1,5đ); Cảm xúc (1đ))

- Kết bài: (1 điểm)

- Chữ viết, chính tả (0,5 điểm) - Dùng từ đặt câu (0,5 điểm) - Sáng tạo (1 điểm)

ĐÁP ÁN ĐỀ 4

PHẦN 1: KIỂM TRA ĐỌC

1: Đọc thành tiếng (3 điểm)

- Đọc đủ nghe rõ ràng, tốc độ đạt yêu cầu, đọc có biểu cảm (1 điểm)
- Ngắt nghỉ hơi đúng các dấu câu, đọc đúng từ, tiếng (1 Điểm)
- Trả lời đúng câu hỏi (1 điểm)

2: Đọc hiểu : (7 điểm)

- Câu 1: Học sinh điền đúng : “ con người ” cho 1 điểm
- Câu 2: Dòng 1: Đúng Dòng 2: Sai Dòng 3 : Đúng Dòng 4 : Sai
- Học sinh khoanh đúng mỗi đáp án : cho 0.25đ, sai thì cho 0đ
- Câu 3: Học sinh viết đúng , hợp lý cho 1 điểm , sai không cho điểm
- Câu 4 : Viết được mỗi vế câu để được câu ghép hoàn chỉnh GV cho 1 điểm
- Câu 5: Đáp án : D cho 1 điểm
- Câu 6 : (1 điểm) Học sinh viết một câu hợp lý, có sử dụng đúng dấu ngoặc kép
- Ví dụ : Em nghĩ : “Phải nói ngay ý định này cho thầy biết mới được”.
- Câu 7 : Học sinh viết được câu hay, hợp lí cho 1đ

PHẦN 2: KIỂM TRA VIẾT : (10 điểm)

1. Chính tả: (2đ)-Viết đúng chính tả, sai không quá 4 lỗi chính tả: cho 2đ

- Sai từ 5 lỗi chính tả: cho 1đ

2. Tập làm văn: 8đ

1. Yêu cầu: Viết được 1 bài văn tả người, đúng đối tượng miêu tả: là một thầy (cô) mà em yêu quý. Chữ viết trình bày đẹp, không mắc lỗi hoặc chỉ mắc 1 lỗi chính tả, diễn đạt. Rõ bố cục 3 phần. Lời văn tự nhiên, tình cảm.

2. Cho điểm:

a. Mở bài: Nêu được đúng đối tượng miêu tả (1 điểm)

b. Thân bài: 6 điểm

- Tả một số nét nổi bật về hình dáng của người thầy (cô). (2 điểm)
- Nêu một số nét về tính nết, một số hoạt động của người thầy(cô) đó. (2 điểm)
- Nêu được một số việc làm của người thầy(cô) em yêu quý để lại cho em nhiều ấn tượng hay ngưỡng mộ, cảm phục. (2 điểm)

c. Kết bài: Nêu được cảm nghĩ của mình với đối tượng miêu tả (1 điểm)

(Tùy vào mức độ bài làm của học sinh mà giám khảo có thể trừ từ 0,25 →0,5 →0,75 →1 điểm cho từng nội dung). Mỗi lỗi chính tả trừ 0,25 điểm. Điểm trừ các lỗi chính tả trong bài không quá 1 điểm

Học sinh trình bày chưa sạch đẹp, tẩy xóa: trừ 1 đ